

Số: /SKHCN-VP

Hung Yên, ngày tháng năm 2023

V/v hướng dẫn đề xuất đặt hàng  
nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng  
NSNN bắt đầu thực hiện từ năm 2024

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, hội cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các trường đại học, cao đẳng, viện và trung tâm nghiên cứu;
- Các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động KH&CN trong, ngoài tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên;

Thực hiện Công văn số 938/BKHCN-KHTC ngày 06/4/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Công văn số 877/UBND-KGVX ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn bổ sung kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) đến năm 2025; xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2024,

Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên hướng dẫn các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, hội cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các trường đại học, cao đẳng; viện, trung tâm nghiên cứu KH&CN; doanh nghiệp KH&CN, tổ chức KH&CN; các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN trong và ngoài tỉnh (*sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị, địa phương*) căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động và tình hình thực tế, những vấn đề của cơ quan, đơn vị, địa phương cần giải quyết để đề xuất UBND tỉnh Hưng Yên đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2024, cụ thể như sau:

## **I. Định hướng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2024**

### **1. Định hướng chung**

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước được xây dựng, đề xuất bắt đầu thực hiện từ năm 2024 phải đáp ứng các tiêu chí, quy trình thủ tục quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ và bám sát mục tiêu, nội dung các văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành:

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2117/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 ban hành Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; số 38/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030; số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030; số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2667/QĐ-BKHHCN ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025;

- Chương trình hành động, Nghị quyết, Kế hoạch của Tỉnh ủy Hưng Yên: số 43-CTr/TU ngày 18/9/2020 về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; số 10-CTr/TU ngày 06/8/2021 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; số 01-CTr/TU ngày 07/01/2021 về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020- 2025; số 11-CTr/TU ngày 04/10/2021 về thực hiện Kết luận số 11-KL/TW ngày 13/7/2021 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; số 34-CTr/TU ngày 15/02/2023 về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 về Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 07-NQ/TU ngày 15/6/2021 về Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021 về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 10-NQ/TU ngày 28/6/2021 về Chương trình phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 13-NQ/TU ngày 08/10/2021 về Chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển

du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 21-NQ/TU ngày 24/3/2022 về phát triển thành phố Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2045; số 22-NQ/TU ngày 24/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển tổng thể kinh tế- xã hội vùng bãi sông Hồng, sông Luộc tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 188-KH/TU ngày 04/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 340/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 về phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2021-2025; số 1221/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; số 2209/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên đến năm 2030; số 129/KH-UBND ngày 17/10/2019 thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; số 57/KH-UBND ngày 09/4/2021 thực hiện Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 188-KH/TU ngày 04/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư; số 62/KH-UBND ngày 27/4/2021 thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 18/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị; số 101/KH-UBND ngày 30/6/2021 thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 128/KH-UBND ngày 11/8/2021 thực hiện Quyết định 169/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển, ứng dụng KH&CN vũ trụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 142/KH-UBND ngày 16/9/2021 về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; số 196/KH-UBND ngày 05/12/2022 thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên đến năm 2030; số 197/KH-UBND ngày 05/12/2022 triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2030 và các văn bản liên quan khác.

## ***2. Định hướng đề xuất theo từng lĩnh vực cụ thể***

### ***2.1. Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn***

- Nghiên cứu chọn tạo, phục tráng, chuyển giao và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh, dịch bệnh, phù hợp với từng vùng sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu theo định hướng chuyển đổi, tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Ứng dụng tiến bộ

KH&CN trong duy trì, bảo vệ, nâng cao hiệu quả đất trồng lúa của tỉnh. Đẩy mạnh công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, phân phối và kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh. Nghiên cứu hoàn thiện các quy trình kỹ thuật, ứng dụng công nghệ trong nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh hại, sản xuất chế phẩm sinh học, xử lý phụ phẩm, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y... nhằm phát triển nền nông nghiệp xanh, sạch, an toàn gắn với chuỗi giá trị, kinh tế tuần hoàn;

- Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao trong tổ chức sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn, hàng hóa quy mô lớn theo các tiêu chuẩn VietGAP, VietGAPH, GlobalGAP,... gắn với truy xuất nguồn gốc, chuỗi giá trị khép kín; kinh tế tuần hoàn; mô hình nông nghiệp các bon thấp; chuyển đổi số trong nông nghiệp gắn với mã vùng sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển, hoàn thiện, ứng dụng công nghệ hiện đại trong chế biến, bảo quản, sản xuất các sản phẩm OCOP, sản phẩm đã được bảo hộ tài sản trí tuệ của địa phương (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận,...).

- Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 02 - 03 nhiệm vụ (***Ưu tiên nhiệm vụ KH&CN được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí thực hiện và các dự án sản xuất thử nghiệm ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện***).

## 2.2. Lĩnh vực công nghệ và kỹ thuật

- Nghiên cứu, phát triển, đổi mới và ứng dụng, làm chủ công nghệ, thiết bị trong tất cả các ngành, lĩnh vực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương gắn với quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa. Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sử dụng ít lao động, thân thiện môi trường, có khả năng tạo giá trị kinh tế, hàm lượng khoa học, công nghệ cao;

- Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới sáng tạo thúc đẩy nâng cao năng suất của doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, phát triển sản phẩm quốc gia, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, phát triển tài sản trí tuệ; đề xuất chính sách thúc đẩy thành lập Quỹ phát triển KH&CN tại doanh nghiệp; phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp KH&CN; ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Nghiên cứu, ứng dụng các kỹ thuật công nghệ (công nghệ thông tin, thiết bị cảm biến, điều khiển, điện tử, tin học và viễn thông,...) và các thành tựu KH&CN vũ trụ trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên - môi trường, giao thông... phục vụ công tác cảnh báo, dự báo; điều hành và quản lý các ngành, lĩnh vực và đời sống xã hội;

- Hỗ trợ, phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ sau thu hoạch, công nghiệp phụ trợ,... đặc biệt, hỗ trợ các doanh nghiệp chế

biển, xuất khẩu các sản phẩm nông sản chủ lực, dược liệu, thủ công mỹ nghệ của tỉnh đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ (Nhãn lồng, vải lai chín sớm, vải trứng, chuỗi tiêu hồng, cam, nghệ, long nhãn, đúc đồng, chạm bạc, mộc mỹ nghệ,...) ứng dụng, làm chủ công nghệ, kết nối cung - cầu, thương mại điện tử nhằm mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 02 - 03 nhiệm vụ (***Ưu tiên nhiệm vụ KH&CN được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí thực hiện và các dự án sản xuất thử nghiệm ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện***).

### *2.3. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn*

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến củng cố và xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; các vấn đề liên quan đến mô hình, giải pháp phát triển kinh tế nhanh và bền vững; cơ chế và giải pháp quản lý, sử dụng và phát huy tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; các giải pháp về phát triển y tế, giáo dục và đào tạo, KH&CN, đổi mới sáng tạo;

- Tập trung nghiên cứu, đề xuất cơ sở khoa học trong xây dựng cơ chế, chính sách về bảo tồn, khai thác, phát huy di tích lịch sử, các giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể; nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp chính quyền trong tỉnh; thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); điều tra, khảo sát, đánh giá chất lượng nhân lực KH&CN; tính toán chỉ tiêu năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP), chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), công tác cải cách hành chính và các giải pháp khoa học thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 01 - 02 nhiệm vụ (***Ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN có đổi ứng kinh phí thực hiện***).

### *2.4. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, môi trường, công nghệ thông tin, chuyển đổi số*

- Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN trong đổi mới, cải tiến phương pháp, hình thức, công cụ hỗ trợ đào tạo; đề xuất, nâng cao hiệu quả, đổi mới chất lượng giáo dục và đào tạo; thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực KH&CN là các nhà khoa học, nhà công nghệ, các chuyên gia đầu ngành, nhà lãnh đạo, quản lý... Nghiên cứu, đề xuất và triển khai thí điểm các chương trình đào tạo tiên tiến, mô hình liên kết đào tạo; dịch vụ giáo dục và đào tạo;

- Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN hiện đại trong dự báo, cảnh báo, chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm. Ưu tiên các nhiệm vụ trong phòng, điều trị các bệnh dịch mới phát sinh, bệnh do yếu tố môi trường; ứng dụng công nghệ mới trong phẫu thuật; sản xuất thuốc, thực phẩm bảo vệ sức

khỏe từ nguồn dược liệu tại địa phương; nghiên cứu và phát triển các phương pháp kết hợp giữa y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán, phòng bệnh và điều trị. Nghiên cứu, bảo tồn các giống cây dược liệu quý hiếm của địa phương. Phát triển các giống cây dược liệu mới, từng bước hình thành vùng trồng quy mô lớn, ứng dụng công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến dược liệu của tỉnh. Đa dạng hóa các sản phẩm dược chế biến từ cây dược liệu trồng ở địa phương theo quy mô công nghiệp, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, các tiêu chuẩn của Bộ Y tế đã ban hành;

- Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp KH&CN bảo vệ môi trường, giải quyết ô nhiễm môi trường do các hoạt động chế biến, tái chế, sản xuất kinh doanh tại một số làng nghề, doanh nghiệp, khu và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; xử lý các nguồn chất thải gây ô nhiễm trong sản xuất, y tế và sinh hoạt; phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường;

- Nghiên cứu đề xuất các nhiệm vụ thực hiện Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu số và hạ tầng số làm nền tảng, phục vụ phát triển và ứng dụng công nghệ chủ chốt để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nghiên cứu các mô hình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và triển khai mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp theo định hướng chuyển đổi số, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 01 - 02 nhiệm vụ (***Ưu tiên nhiệm vụ KH&CN được ngân sách nhà nước hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí thực hiện và các dự án sản xuất thử nghiệm ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện***).

### 2.5. Lĩnh vực an ninh, quốc phòng

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng dụng KH&CN trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề về đảm bảo an ninh và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm truyền thống và phi truyền thống; các giải pháp xã hội hóa phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; bảo đảm an toàn giao thông, an ninh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai do biến đổi khí hậu; giải pháp tăng cường bảo đảm an ninh mạng đối với các hệ thống dữ liệu, mạng chuyên dùng của tỉnh. Ứng dụng KH&CN trong nghiên cứu, đề xuất các giải pháp dự báo, cảnh báo, nhận diện, kiểm soát, phòng, chống và khắc phục hậu quả sự cố bức xạ và hạt nhân, các vấn đề an ninh phi truyền thống gây ra.

- Số lượng đề xuất dự kiến đặt hàng: Từ 01 - 02 nhiệm vụ (***Ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN có đối ứng kinh phí thực hiện***).

\* **Lưu ý:** Ngoài những vấn đề định hướng chung, định hướng cụ thể từng lĩnh vực nêu trên, các sở, ban, ngành, hội cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động căn cứ tình hình, những vấn đề phát sinh trong thực tiễn

*của ngành, địa phương cần giải quyết để đề xuất các nhiệm vụ KH&CN phù hợp, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.*

### **3. Định hướng về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**

Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình thực hiện cần làm rõ phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và phương án thương mại hóa sản phẩm (nếu có); sau khi đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên phải tiếp tục được ứng dụng trong thực tế; cơ quan, đơn vị ứng dụng kết quả nhiệm vụ phải có đủ năng lực tiếp nhận, triển khai áp dụng và địa chỉ áp dụng rõ ràng theo mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN trong hợp đồng đã ký.

### **4. Thời hạn gửi đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2024**

4.1. Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Công văn và Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2024 (*theo mẫu tại Phụ lục gửi kèm Công văn này hoặc trên Cổng Thông tin điện tử của Sở KH&CN Hưng Yên*) về Văn phòng Sở để tổng hợp. Thời hạn nhận đề xuất (*nộp trực tiếp, qua bưu điện hoặc hệ thống quản lý văn bản và điều hành các cơ quan tỉnh Hưng Yên*): **Chậm nhất đến 16h00’ ngày 28 tháng 4 năm 2023.**

4.2. Địa chỉ nhận phiếu đề xuất: Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên

Đường An Vũ, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Khi cần thêm thông tin chi tiết, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tham khảo trên Cổng thông tin điện tử Sở KH&CN Hưng Yên (<http://khcnhungyen.gov.vn>) hoặc liên hệ với Phó Chánh Văn phòng Sở (SĐT: 094.2200.232) để được cung cấp thông tin và giải đáp./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Chủ tịch Hội đồng KH&CN tỉnh (để b/c)
- Giám đốc Sở, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Cổng Thông tin điện tử Sở (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP<sup>XT</sup>.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Tùng Chuẩn**

**PHỤ LỤC:**

**Các mẫu Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2024**

*(Kèm theo Công văn số /SKHCN-VP ngày tháng năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên)*

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH  
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2024**  
*(Dùng cho đề tài hoặc đề án)*

1. Tên Đề tài/Đề án:.....  
Cá nhân/tổ chức đề xuất: .....; Số ĐT: .....  
Địa chỉ cá nhân, tổ chức đề xuất:.....
2. Căn cứ đề xuất (*giải trình căn cứ theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 03/2017/TT-BKHCN Quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước*): .....  
.....
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh v.v...  
.....
4. Mục tiêu: .....
5. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:  
.....
6. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả: .....
7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra: .....
8. Yêu cầu đối với thời gian để đạt được các kết quả: .....
9. Dự kiến nhu cầu kinh phí:.....

....., ngày .... tháng .... năm 20.....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT**

*(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)*

**Ghi chú:** Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.



**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**  
**SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2024**  
*(Dùng cho dự án khoa học và công nghệ)*

1. Tên dự án khoa học và công nghệ (KH&CN).....  
 Cá nhân/tổ chức đề xuất: .....; Số ĐT: .....  
 Địa chỉ cá nhân, tổ chức đề xuất: .....
2. Xuất xứ hình thành: *(nêu rõ nguồn hình thành của dự án KH&CN, tên dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*  
 .....
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh v.v.....
4. Mục tiêu: .....
5. Nội dung KH&CN chủ yếu: *(mỗi nội dung đặt ra có thể hình thành được một đề tài, hoặc dự án sản xuất thử nghiệm)* .....
6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:.....
7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:  
 .....
8. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:.....
9. Năng lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả:  
 .....
10. Dự kiến nhu cầu kinh phí:.....
11. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả: *(khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*.....
12. Dự kiến hiệu quả của dự án KH&CN:
  - 12.1. Hiệu quả kinh tế - xã hội: *(cần làm rõ đóng góp của dự án KH&CN đối với các dự án đầu tư sản xuất trước mắt và lâu dài bao gồm số tiền làm lợi và các đóng góp khác...)*
  - 12.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh...)*

....., ngày .... tháng .... năm 20.....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT**  
*(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)*

**Ghi chú:** Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**  
**SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2024**  
*(Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm)*

1. Tên dự án sản xuất thử nghiệm: .....  
 Cá nhân/tổ chức đề xuất: .....; Số ĐT: .....  
 Địa chỉ cá nhân, tổ chức đề xuất: .....
2. Xuất xứ hình thành: *(từ một trong các nguồn sau: kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả khoa học và công nghệ chuyển giao từ nước ngoài có khả năng ứng dụng)* .....
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh v.v...: .....
4. Mục tiêu: .....
5. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để hoàn thiện công nghệ và đạt kết quả: .....
6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt: .....
7. Nhu cầu thị trường: *(Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án)* .....
8. Dự kiến tổ chức cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra: .....
9. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện: .....
10. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức dự kiến ứng dụng kết quả tạo ra: *(Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)* .....
11. Dự kiến nhu cầu kinh phí: .....

....., ngày .... tháng .... năm 20.....  
**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT**  
*(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)*

**Ghi chú:** Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4